

STT	MÃ S SV	H VÀ TÊN		NGÀY SINH	L P H C PH N	KÍCH TH C		HO T T I q <sup>tc</sup> (kN/m <sup>2</sup> )	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
1	172238892	Lê V n Tu n	Anh	1/1/1993	CIE378B	6,5	10,5	17,0	CCT34	N42
2	1921413637	Lê Vi t	Anh	9/9/1995	CIE378B	7,0	11,0	17,5	CCT34	N42
3	2227611744	Tr ng Qu c	B o	30/08/1995	CIE378B	7,5	11,5	18,0	CCT34	N42
4	1921413619	Nguy n Thanh	Bình	13/03/1995	CIE378B	8,0	12,0	18,5	CCT34	N42
5	1811615450	Tr n M u	Châu	7/3/1994	CIE378B	5,0	12,5	19,0	CCT34	N42
6	1821416013	Tr n M nh	C ng	16/06/1994	CIE378B	5,5	13,0	19,5	CCT38	N42
7	172217146	Ph m B o	i	17/04/1993	CIE378B	6,0	10,5	15,0	CCT38	N42
8	172237369	Lê Nguy n T t	t	7/9/1992	CIE378B	6,5	11,0	15,5	CCT38	N42
9	2021626637	Nguy n V n	ông	29/11/1996	CIE378B	7,0	11,5	16,0	CCT38	N42
10	1821414074	Hà Ng c	c	2/10/1994	CIE378B	7,5	12,0	16,5	CCT38	N42
11	2227611017	Ph m Quang	D ng	17/08/1993	CIE378B	8,0	12,5	17,0	CCT42	N42
12	2127611582	Nguy n Qu c	Duy	20/03/1990	CIE378B	5,0	13,0	17,5	CCT42	N42
13	2227611018	Phan Lê	Duy	6/6/1990	CIE378B	5,5	10,0	18,0	CCT42	N42
14	171218831	Võ Minh	H i	5/5/1992	CIE378B	6,0	10,5	18,5	CCT42	N42
15	172237394	Nguy n V n	H nh	8/4/1993	CIE378B	6,5	11,0	19,0	CCT42	N42
16	2010615688	Nguy n V n	H o	16/11/1996	CIE378B	7,0	11,5	19,5	CCT34	N46
17	1811614993	Nguy n Vi t	Hi n	23/02/1993	CIE378B	7,5	12,0	15,0	CCT34	N46
18	1811614440	Phan Th	Hi n	17/11/1994	CIE378B	8,0	12,5	15,5	CCT34	N46
19	2227611021	Tr n V n	Hi p	3/9/1989	CIE378B	5,0	13,0	16,0	CCT34	N46
20	1811616592	Ph m Trung	Hi u	18/01/1991	CIE378B	5,5	10,0	16,5	CCT34	N46
21	2021615727	Phan Minh	Hi u	2/12/1996	CIE378B	6,0	10,5	17,0	CCT38	N46
22	1821415213	Nguy n Thanh	Hoài	11/7/1994	CIE378B	6,5	11,0	17,5	CCT38	N46
23	1821414765	Phan Thanh	Hoàn	12/7/1994	CIE378B	7,0	13,0	18,0	CCT38	N46
24	172237408	Ph m c	Hoàng	13/05/1993	CIE378B	7,5	10,0	18,5	CCT38	N46
25	1821414753	Lê Phi	Hoàng	20/07/1993	CIE378B	5,0	10,5	19,0	CCT38	N46
26	1821415837	Lê Thái	Hoàng	17/01/1993	CIE378B	5,5	11,0	19,5	CCT42	N46
27	2127611584	D ng Qu c	Hoàng	6/8/1989	CIE378B	6,0	11,5	15,0	CCT42	N46
28	2227611742	H Minh	Hoàng	13/05/1995	CIE378B	6,5	12,0	15,5	CCT42	N46
29	2227611024	Nguy n Tu n	Hùng	8/10/1992	CIE378B	7,0	12,5	16,0	CCT42	N46
30	2227611025	Nguy n T n	Hùng	5/5/1992	CIE378B	7,5	13,0	16,5	CCT42	N46
31	1821415833	Lê Công	H ng	12/6/1994	CIE378B	8,0	10,0	17,0	CCT34	N42
32	172227088	Võ Anh	Khoa	16/04/1993	CIE378B	5,0	11,5	17,5	CCT34	N42
33	2121614373	Mai ình	Khoa	14/01/1993	CIE378B	5,5	12,0	18,0	CCT34	N42
34	1821413839	Nguy n Trung	Kiên	21/12/1994	CIE378B	6,0	12,5	18,5	CCT34	N42
35	172237428	Th	Kim	25/04/1992	CIE378B	6,5	13,0	19,0	CCT34	N42
36	2127611585	Mai V n	L	1/6/1990	CIE378B	7,0	10,5	19,5	CCT38	N42
37	2127611586	Nguy n Ph ng	Linh	12/10/1994	CIE378B	7,5	11,0	15,0	CCT38	N42
38	2021616225	Lê Hoàng	Long	3/3/1995	CIE378B	8,0	11,5	15,5	CCT38	N42
39	172237438	Tr ng V n	M nh	6/4/1993	CIE378B	5,0	12,0	16,0	CCT38	N42
40	172237440	Tr n S	Minh	26/09/1992	CIE378B	5,5	12,5	16,5	CCT38	N42
41	1921618141	Nguy n V n	Minh	10/10/1995	CIE378B	6,0	13,0	17,0	CCT42	N42
42	2127611587	Nguy n	M	6/12/1993	CIE378B	6,5	10,0	17,5	CCT42	N42
43	1820414089	Tr n Th Thiên	Nga	3/5/1993	CIE378B	7,0	10,5	18,0	CCT42	N42
44	2021616310	Nguy n ình	Ngh a	23/11/1996	CIE378B	7,5	11,0	18,5	CCT42	N42
45	2021613646	Nguy n Nh t	Nguyễn	8/3/1996	CIE378B	8,0	11,5	19,0	CCT42	N42
46	1811615914	T Minh	Nhân	11/2/1994	CIE378B	5,0	12,0	19,5	CCT34	N42
47	1921613466	Lê Tr ng	Nh t	21/03/1994	CIE378B	5,5	12,5	15,0	CCT34	N42
48	172237451	Lê Phú Tân	Nh t	9/3/1993	CIE378B	6,0	13,0	15,5	CCT34	N42
49	1821413532	Tr n Anh T n	Phát	1/12/1994	CIE378B	6,5	10,0	16,0	CCT34	N42
50	1821413837	Nguy n Bình Kim	Phong	4/11/1994	CIE378B	7,0	10,5	16,5	CCT34	N42
51	152232962	Phan V n	Phúc	17/06/1986	CIE378B	7,5	11,0	17,0	CCT38	N42

STT	MÃ S SV	H VÀ TÊN		NGÀY SINH	L P H C PH N	KÍCH TH C		HO T T I q <sub>s</sub> <sup>tc</sup> (kN/m <sup>2</sup> )	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
52	162233560	Thi u Quang	Ph c	5/3/1992	CIE378B	5,0	13,0	17,5	CCT38	N42
53	1821413838	Tr n Xuân	Quang	15/11/1994	CIE378B	5,5	10,0	18,0	CCT38	N42
54	1911618586	L ng V n	Quang	2/9/1994	CIE378B	6,0	10,5	18,5	CCT38	N42
55	2021617323	Phan Thành	Qu c	22/07/1996	CIE378B	6,5	11,0	19,0	CCT38	N42
56	172237467	L ng Thanh	Quyên	13/07/1990	CIE378B	7,0	11,5	19,5	CCT42	N42
57	2127611589	Nguy n V n	R t	1/1/1987	CIE378B	7,5	12,0	15,0	CCT42	N42
58	2127611590	Tr n Ng c	Sang	6/11/1994	CIE378B	8,0	11,5	15,5	CCT42	N42
59	2227611030	Tr n H u	S n	23/08/1993	CIE378B	8,0	12,0	16,0	CCT42	N42
60	1921413679	Lê Th	Tâm	8/9/1995	CIE378B	5,0	12,5	16,5	CCT42	N42
61	2227611743	Tr n Vi t	Tâm	8/4/1993	CIE378B	5,5	13,0	17,0	CCT34	N46
62	1921413617	Tr n Vi t	Th ng	22/02/1995	CIE378B	6,0	10,0	17,5	CCT34	N46
63	1821415653	Hoàng Công	Thanh	23/06/1991	CIE378B	6,5	10,5	18,0	CCT34	N46
64	1921613459	Nguy n Cao	Thành	28/03/1995	CIE378B	7,0	11,0	18,5	CCT34	N46
65	2227611031	Nguy n Xuân	Thành	26/05/1985	CIE378B	7,5	10,0	19,0	CCT34	N46
66	1921612308	Tr n Xuân	Thi	4/12/1995	CIE378B	8,0	12,5	19,5	CCT38	N46
67	172237483	Nguy n Thanh	Thiên	15/04/1993	CIE378B	5,0	13,0	15,0	CCT38	N46
68	1921413578	Nguy n c	Ti n	7/4/1995	CIE378B	5,5	10,0	15,5	CCT38	N46
69	1921161337	Nguy n Duy	Tính	23/10/1994	CIE378B	6,0	10,5	16,0	CCT38	N46
70	152232965	Tr nh Ng c Huy	Toàn	22/03/1991	CIE378B	6,5	11,0	16,5	CCT38	N46
71	2227611033	Tr n V n	Toàn	20/08/1990	CIE378B	7,0	10,0	17,0	CCT42	N46
72	2227611034	H T n Thành	Trần	19/09/1992	CIE378B	7,5	10,5	17,5	CCT42	N46
73	2127611593	Nguy n ng	Trí	17/03/1993	CIE378B	8,0	11,0	18,0	CCT42	N46
74	2011617171	Tr n Minh	Tri t	19/09/1995	CIE378B	8,0	11,0	18,5	CCT42	N46
75	1821414102	V n H u	Tri u	8/10/1993	CIE378B	5,0	11,5	19,0	CCT42	N46
76	2127611594	Phan V n	Tr c	30/01/1993	CIE378B	5,5	12,0	19,5	CCT34	N42
77	1921418164	inh Phan	Trung	16/02/1995	CIE378B	6,0	12,5	15,0	CCT34	N42
78	172237500	Hu nh Bá	Tr ng	6/2/1992	CIE378B	6,5	13,0	15,5	CCT34	N42
79	172237501	Tr nh Công	Truy n	12/11/1992	CIE378B	7,0	10,0	16,0	CCT34	N42
80	1821413842	D ng ình	Tú	20/06/1993	CIE378B	7,5	10,5	16,5	CCT34	N42
81	2127611595	Tr n Ng c	Tú	17/09/1994	CIE378B	8,0	11,0	17,0	CCT38	N42
82	2227611035	Tr n M nh	Tu n	30/12/1992	CIE378B	5,0	10,0	17,5	CCT38	N42
83	2227611036	Nguy n Anh	Tu n	8/1/1994	CIE378B	8,0	11,5	18,0	CCT38	N42
84	1921413625	Bùi Nh	Tùng	8/4/1994	CIE378B	5,0	11,5	18,5	CCT38	N42
85	2127611596	Nguy n V n	Tuy n	14/10/1991	CIE378B	5,5	12,0	19,0	CCT38	N42
86	1921611922	Hoàng Qu c	Vi t	22/04/1995	CIE378B	6,0	12,5	19,5	CCT42	N42
87	1821415219	Nguy n Huy	V	1/5/1994	CIE378B	6,5	13,0	15,0	CCT42	N42
88	1821415651	Lê Nguyên	V	10/10/1992	CIE378B	7,0	10,0	15,5	CCT42	N42
89	2020417750	Vô Th L	Vy	15/02/1994	CIE378B	7,5	10,5	16,0	CCT42	N42
90	1811615445	Nguy n Thanh	Xuân	20/02/1993	CIE378B	8,0	11,0	16,5	CCT42	N42